

Số: 890/TB-ĐHTĐ

Cần Thơ, ngày 22 tháng 8 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc công bố điểm trúng tuyển trình độ đại học hệ chính quy năm 2025

Căn cứ quy chế tuyển sinh đại học chính quy hiện hành;

Căn cứ Quyết định số 2100/QĐ-BGDĐT ngày 21/7/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với nhóm ngành sức khỏe có cấp chứng chỉ hành nghề trình độ đại học năm 2025;

Căn cứ thông tin tuyển sinh năm 2025 của Trường Đại học Tây Đô;

Căn cứ Biên bản số 04/BB-ĐHTĐ-HĐTS ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Tây Đô về việc xác định điểm trúng tuyển trình độ đại học hệ chính quy năm 2025;

Căn cứ phương án quy đổi mức điểm chuẩn tương đương giữa các phương thức tuyển sinh năm 2025 của Trường Đại học Tây Đô;

Nay, Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy Trường Đại học Tây Đô thông báo điểm trúng tuyển trình độ đại học chính quy năm 2025, cụ thể như sau:

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Điểm trúng tuyển			
				Xét học bạ THPT: Tổng điểm 03 môn xét tuyển (30)	Xét điểm thi THPT năm 2025: Tổng điểm xét tuyển (30)	Xét điểm thi ĐGNL năm 2025 của ĐHQG TPHCM (1200)	Xét điểm thi V-SAT năm 2025 (450)
1	7720201	Dược học	Toán - Vật lí - Hóa học (A00) Toán - Hóa học - Sinh học (B00) Toán - Hóa học - Tiếng Anh (D07) Ngữ Văn - Toán - Hóa học (C02) Toán - Sinh học - Tiếng Anh (D08) Toán - Vật lí - Sinh học (A02)	21(*)	19	600(*)	270(*)
2	7720301	Điều dưỡng	Toán - Vật lí - Sinh học (A02) Toán - Hóa học - Sinh học (B00) Toán - Sinh học - Tiếng Anh (D08) Toán - Sinh học - Ngữ văn (B03) Toán - Vật lí - Hóa học (A00)	19(**)	17	500(**)	225(**)
3	7380107	Luật kinh tế	Ngữ văn - Lịch sử - Địa lí (C00) Ngữ văn - Lịch sử - Tiếng Anh (D14) Toán - Giáo dục công dân - Tiếng Anh (D84) Ngữ văn - Giáo dục công dân - Tiếng Anh (D66) Ngữ văn - Toán - Tiếng Anh (D01) Toán - Giáo dục kinh tế và pháp luật - Tiếng Anh (X25) Ngữ văn - Giáo dục kinh tế và pháp luật - Tiếng Anh (X78)	19.5	18	500	225



TT	Mã xét tuyển	Tên ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Điểm trúng tuyển			
				Xét học bạ THPT: Tổng điểm 03 môn xét tuyển (30)	Xét điểm thi THPT năm 2025: Tổng điểm xét tuyển (30)	Xét điểm thi ĐGNL năm 2025 của ĐHQG TPHCM (1200)	Xét điểm thi V-SAT năm 2025 (450)
4	7720401	Dinh dưỡng	Toán - Vật lý - Hóa học (A00) Toán - Hóa học - Sinh học (B00) Toán - Hóa học - Tiếng Anh (D07) Toán - Sinh học - Tiếng Anh (D08)	16.5	15	500	225
5	7850103	Quản lý đất đai	Toán - Vật lý - Hóa học (A00) Toán - Vật lý - Tiếng Anh (A01) Toán - Hóa học - Sinh học (B00) Ngữ văn - Toán - Tiếng Anh (D01) Toán - Vật lý - Tin học (X06) Toán - Hóa học - Tin học (X10)	16.5	15	500	225
6	7510102	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Toán - Vật lý - Hóa học (A00) Toán - Vật lý - Sinh học (A02) Toán - Vật lý - Tiếng Anh (A01) Ngữ văn - Toán - Vật lý (C01)	16.5	15	500	225
7	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Toán - Vật lý - Tin học (X06) Toán - Vật lý - Công nghệ công nghiệp (X07) Ngữ văn - Toán - Tiếng Anh (D01)	16.5	15	500	225
8	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Toán - Vật lý - Hóa học (A00) Toán - Vật lý - Tiếng Anh (A01) Ngữ văn - Toán - Tiếng Anh (D01) Ngữ văn - Toán - Vật lý (C01) Toán - Tin học - Tiếng Anh (X26) Toán - Ngữ văn - Tin học (X02) Toán - Vật lý - Tin học (X06)	16.5	15	500	225
9	7210403	Thiết kế đồ họa	Ngữ văn - Toán - Địa lý (C04) Ngữ văn - Toán - Tiếng Anh (D01) Toán - Địa lý - Tiếng Anh (D10) Ngữ văn - Địa lý - Tiếng Anh (D15) Toán - Vật lý - Hóa học (A00) Toán - Ngữ văn - Tin học (X02) Toán - Vật lý - Tin học (X06) Toán - Vật lý - Công nghệ công nghiệp (X07)	16.5	15	500	225
10	7220201	Ngôn ngữ Anh	Ngữ văn - Toán - Tiếng Anh (D01) Ngữ văn - Lịch sử - Tiếng Anh (D14) Ngữ văn - Địa lý - Tiếng Anh (D15) Ngữ văn - Giáo dục công dân - Tiếng Anh (D66) Ngữ văn - Giáo dục kinh tế và pháp luật - Tiếng Anh (X78)	16.5	15	500	225
11	7229030	Văn học	Ngữ văn - Toán - Địa lý (C04) Ngữ văn - Lịch sử - Địa lý (C00) Ngữ văn - Lịch sử - Tiếng Anh (D14) Ngữ văn - Địa lý - Tiếng Anh (D15) Ngữ văn - Toán - Tiếng Anh (D01)	16.5	15	500	225

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Điểm trúng tuyển			
				Xét học bạ THPT: Tổng điểm 03 môn xét tuyển (30)	Xét điểm thi THPT năm 2025: Tổng điểm xét tuyển (30)	Xét điểm thi ĐGNL năm 2025 của ĐHQG TPHCM (1200)	Xét điểm thi V-SAT năm 2025 (450)
12	7320104	Truyền thông đa phương tiện	Toán - Vật lý - Tiếng Anh (A01) Ngữ văn - Lịch sử - Địa lý (C00) Ngữ văn - Toán - Tiếng Anh (D01) Ngữ văn - Địa lý - Tiếng Anh (D15) Toán - Vật lý - Hóa học (A00) Toán - Ngữ văn - Tin học (X02)	16.5	15	500	225
13	7620301	Nuôi trồng thủy sản	Toán - Vật lý - Hóa học (A00) Toán - Vật lý - Tiếng Anh (A01) Toán - Hóa học - Sinh học (B00) Toán - Hóa học - Tiếng Anh (D07) Toán - Vật lý - Tin học (X06) Toán - Hóa học - Tin học (X10) Ngữ văn - Toán - Tiếng Anh (D01)	16.5	15	500	225
14	7310630	Việt Nam học	Ngữ văn - Toán - Tiếng Anh (D01) Ngữ văn - Toán - Địa lý (C04) Ngữ văn - Lịch sử - Địa lý (C00) Ngữ văn - Địa lý - Tiếng Anh (D15) Toán - Lịch sử - Địa lý (A07) Ngữ văn - Lịch sử - Tiếng Anh (D14) Ngữ văn - Giáo dục kinh tế và pháp luật - Tiếng Anh (X78) Ngữ văn - Địa lý - Giáo dục kinh tế và pháp luật (X74) Ngữ văn - Lịch sử - Giáo dục kinh tế và pháp luật (X70)	16.5	15	500	225
15	7640101	Thú y	Toán - Hóa học - Sinh học (B00) Toán - Hóa học - Địa lý (A06) Toán - Sinh học - Địa lý (B02) Ngữ văn - Toán - Hóa học (C02) Toán - Hóa học - Tin học (X10) Toán - Sinh học - Tin học (X14) Ngữ văn - Toán - Tiếng Anh (D01)	16.5	15	500	225
16	7340101	Quản trị kinh doanh	Toán - Vật lý - Hóa học (A00)	16.5	15	500	225
17	7340115	Marketing	Toán - Vật lý - Tiếng Anh (A01)	16.5	15	500	225
18	7340120	Kinh doanh quốc tế	Ngữ văn - Toán - Tiếng Anh (D01) Ngữ văn - Toán - Địa lý (C04) Toán - Tin học - Tiếng Anh (X26)	16.5	15	500	225
19	7340201	Tài chính - Ngân hàng	Toán - Ngữ văn - Tin học (X02) Toán - Vật lý - Tin học (X06)	16.5	15	500	225
20	7340301	Kế toán	Toán - Vật lý - Tin học (X06)	16.5	15	500	225
21	7540101	Công nghệ thực phẩm	Toán - Vật lý - Hóa học (A00) Toán - Vật lý - Sinh học (A02) Toán - Vật lý - Tiếng Anh (A01) Ngữ văn - Toán - Vật lý (C01) Toán - Vật lý - Tin học (X06) Ngữ văn - Toán - Tiếng Anh (D01)	16.5	15	500	225
22	7810101	Du lịch	Toán - Vật lý - Hóa học (A00)	16.5	15	500	225

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Điểm trúng tuyển			
				Xét học bạ THPT: Tổng điểm 03 môn xét tuyển (30)	Xét điểm thi THPT năm 2025: Tổng điểm xét tuyển (30)	Xét điểm thi ĐGNL năm 2025 của ĐHQG TPHCM (1200)	Xét điểm thi V-SAT năm 2025 (450)
23	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Toán - Vật lí - Tiếng Anh (A01) Ngữ văn - Toán - Tiếng Anh (D01) Ngữ văn - Toán - Địa lí (C04) Ngữ văn - Lịch sử - Địa lí (C00)	16.5	15	500	225
24	7810201	Quản trị khách sạn	Toán - Hóa - Tiếng Anh (D07) Toán - Lịch sử - Địa lí (A07) Ngữ văn - Lịch sử - Tiếng Anh (D14) Ngữ văn - Địa lí - Tiếng Anh (D15) Toán - Địa lí - Giáo dục kinh tế và pháp luật (X21) Toán - Ngữ văn - Giáo dục kinh tế và pháp luật (X01) Toán - Giáo dục kinh tế và pháp luật - Tiếng Anh (X25)	16.5	15	500	225
25	7480201	Công nghệ thông tin	Toán - Vật lí - Hóa học (A00) Toán - Vật lí - Sinh học (A02) Toán - Vật lí - Tiếng Anh (A01) Ngữ văn - Toán - Vật lí (C01) Toán - Vật lí - Tin học (X06) Toán - Vật lí - Công nghệ công nghiệp (X07) Toán - Tin học - Công nghệ công nghiệp (X56) Toán - Hóa học - Tin học (X10) Toán - Sinh học - Tin học (X14) Toán - Tin học - Tiếng Anh (X26) Toán - Ngữ văn - Tin học (X02) Ngữ văn - Toán - Tiếng Anh (D01)	16.5	15	500	225

* Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8.0 trở lên.

** Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6.5 trở lên. *Handwritten signature*

Nơi nhận:

- HĐT (để b/c);
- Các đơn vị trực thuộc;
- Website;
- Lưu VT/TC-HC.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH *Handwritten signature*



HIỆU TRƯỞNG
TTUT. GS.TS. Trần Công Luận